



**ABT - AQUATEX BẾN TRE**



**Ngày 20 tháng 06 năm 2008**



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

### TỔNG QUAN

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

Tên tiếng Anh: BENTRE AQUAPRODUCT IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: AQUATEX BENTRE

Vốn điều lệ: 80.999.990.000 VND

Sàn niêm yết: HOSE

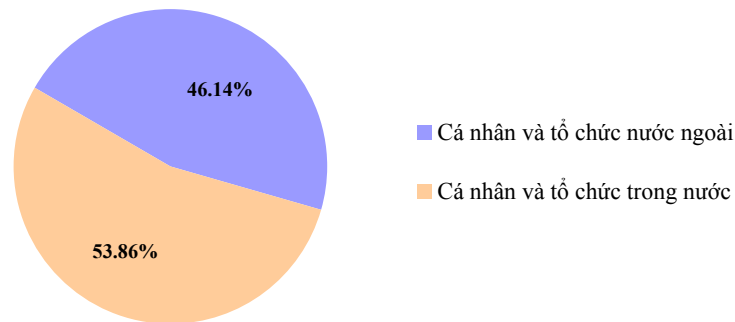
Mã chứng khoán: ABT

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu vật tư hàng hóa, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ

Sản phẩm chính: Các sản phẩm nghêu sò, cá Tra chế biến

Thị trường tiêu thụ chủ yếu: EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ

Cơ cấu sở hữu đến hết ngày 19/06/2008:



### TỔNG QUAN VÀ NHÂN ĐỊNH

Trọng tâm hoạt động kinh doanh của ABT là chế biến xuất khẩu thủy sản (*đóng góp trung bình 85% tổng doanh thu hàng năm của ABT*), các lĩnh vực hoạt động khác bao gồm kinh doanh nhà hàng, bán hàng nội địa. ABT có cơ cấu sản phẩm đa dạng, gồm các sản phẩm từ nghêu sò, tôm và cá Tra, ABT dẫn đầu cả nước về chế biến xuất khẩu các sản phẩm nghêu sò.

Cơ cấu sản phẩm của ABT những năm gần đây thay đổi theo hướng tập trung vào các sản phẩm từ cá Tra và nghêu sò nhằm phân tán rủi ro thị trường. Công ty đang tiến hành chuyển đổi vùng nuôi tôm nguyên liệu hiện tại sang nuôi cá Tra. ABT đã lên kế hoạch tiếp tục mở rộng vùng nuôi cá Tra nguyên liệu và mở rộng cơ sở chế biến. Dự báo trong các năm tới, cơ cấu sản phẩm của ABT tập trung phần lớn vào các sản phẩm nghêu sò và cá Tra.

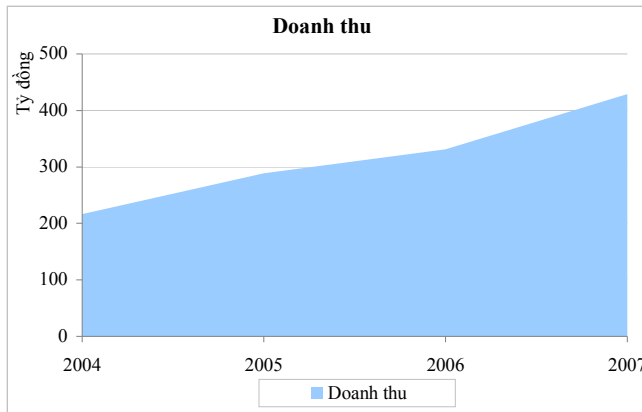
Doanh thu của ABT tăng mạnh trong những năm gần đây, dự báo trong những năm tới doanh thu tiếp tục tăng trưởng ổn định nếu duy trì được thị trường xuất khẩu chính ổn định (EU) và hoàn thành kế hoạch đầu tư mới cơ sở chế biến cùng như vùng nguyên liệu của ABT.

Hai đợt chào cổ phiếu phát hành thêm năm 2007 và 2008 đem về cho ABT nguồn thặng dư vốn lớn, giúp đảm bảo nhu cầu vốn cho doanh nghiệp đặc biệt trong giai đoạn thị trường tài chính không ổn định hiện nay. Về lâu dài, nguồn vốn chủ sở hữu quá lớn có thể gây sức ép lớn về cổ tức và tỷ suất lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh.

ABT đầu tư tài chính dài hạn mạnh sau khi thu được nguồn thặng dư vốn lớn từ đợt chào bán năm 2007 (*không sử dụng theo mục đích chào bán*) gây rủi ro cho các dự án đầu tư sản xuất và vùng nguyên liệu đang tiến hành.

## PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

### DOANH THU

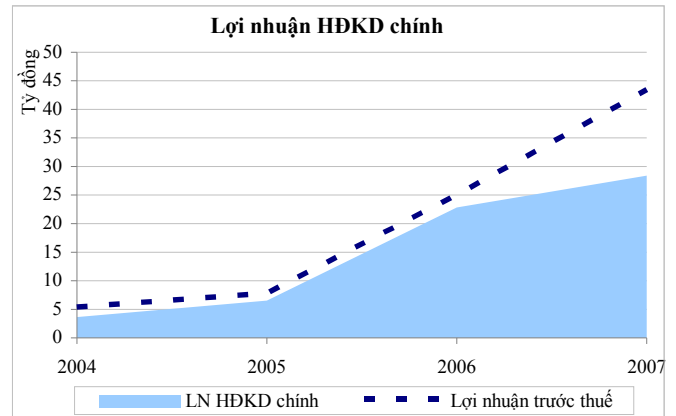


Năm 2005, Doanh thu xuất khẩu của ABT vào thị trường Mỹ giảm mạnh sau Quyết định áp thuế chống bán phá giá tôm (ABT chịu mức thuế chống bán phá giá 25,76%, doanh thu xuất khẩu vào Mỹ đã giảm xuống gần 3 lần so với 2004). Tuy vậy, nhờ tiến hành thay đổi cơ cấu sản phẩm (giảm dần các sản phẩm từ tôm, tập trung vào cá Tra và nghêu sò) song song với chuyển hướng thị trường (tập trung vào thị trường truyền thống EU), doanh thu xuất khẩu vào thị trường EU tăng mạnh kéo theo mức tăng trưởng doanh thu cao của ABT trong năm 2005. Tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường EU tiếp tục là động lực cho mức tăng trưởng tổng doanh thu cao của ABT các năm 2006, 2007. Trong hai năm 2006, 2007 xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ có dấu hiệu hồi phục trở lại vị trí số 2 trong cơ cấu thị trường xuất khẩu của ABT.

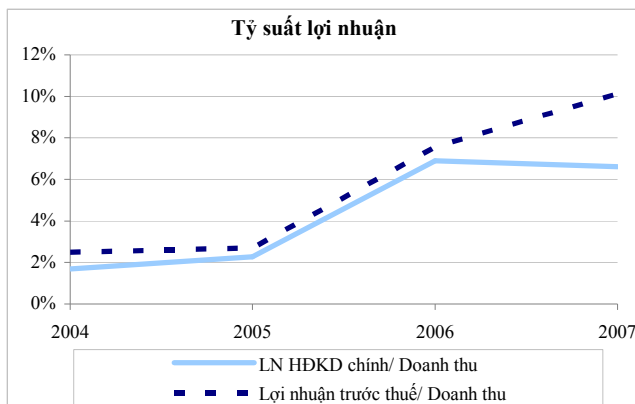
### LỢI NHUẬN

Hoạt động đổi mới cơ cấu sản phẩm và chuyển hướng thị trường xuất khẩu chính trong năm 2005 làm chi phí bán hàng của ABT tăng đột biến, lợi nhuận tăng thấp dù doanh thu tăng cao. Thay đổi cơ cấu sản phẩm và chuyển hướng thị trường thành công, tận dụng được giá nguyên liệu rẻ trong 3 quý đầu năm là tiền đề cho lợi nhuận tăng trưởng mạnh trong năm 2006. Lợi nhuận tiếp tục tăng trong năm 2007 cùng với sự tăng trưởng doanh thu.

Năm 2007, lợi nhuận trước thuế của ABT tăng trưởng đột biến so với lợi nhuận HĐKD chính có nguyên nhân do sự tăng mạnh doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng khoản tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu giữa năm và lãi đầu tư trái phiếu trong năm).



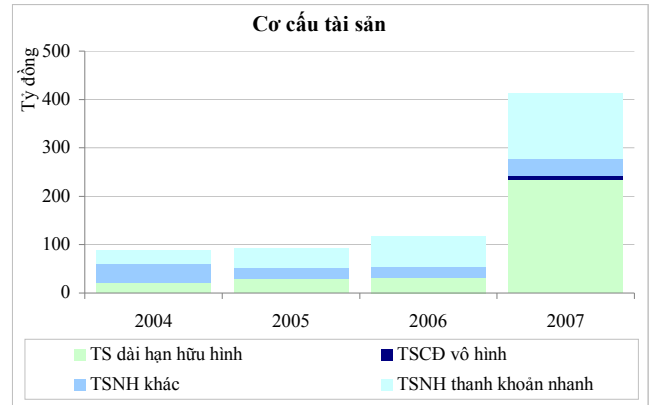
### TỶ SUẤT LỢI NHUẬN



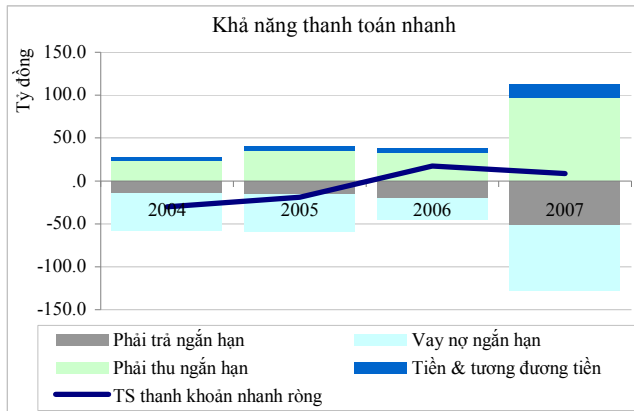
Giá cả nguyên liệu đầu vào cao trong năm 2004 khiến tỷ suất lợi nhuận của ABT đạt mức rất thấp. Năm 2005, giá nguyên liệu giảm nhưng chi phí bán hàng quá lớn phát sinh từ hoạt động thay đổi cơ cấu sản phẩm và chuyển hướng thị trường khiến tỷ suất lợi nhuận tiếp tục ở mức thấp. Tỷ suất lợi nhuận tăng cao trong năm 2006 do những lợi thế thay đổi thành công cơ cấu sản phẩm và thị trường (nghêu sò vốn là thế mạnh của ABT, sản phẩm này có tỷ suất lợi nhuận cao hơn nhiều so với cá Tra và tôm) và giá nguyên liệu rẻ (ABT tự chủ được một phần nguyên liệu khi mua lại hai ngư trường nuôi thủy sản năm 2004).

## CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản của ABT tăng mạnh sau đợt chào bán cổ phiếu tháng 5/2007, nguồn vốn và thặng dư thu được chủ yếu tài trợ cho tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản nhanh (*tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu*). Số dư đầu tư tài chính ngắn hạn của ABT cuối năm 2007 là ~24 tỷ đồng, tuy nhiên phần lớn trong số đó là tiền gửi có kỳ hạn, ít rủi ro trước những biến động của thị trường tài chính thời gian gần đây. Đợt chào bán của ABT giữa năm 2007 có mục đích bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho các dự án đầu tư sản xuất, tuy nhiên phần lớn nguồn vốn thu được được dùng để đầu tư tài chính dài hạn (*làm tăng mạnh số dư đầu tư tài chính dài hạn cuối năm 2007 – chiếm ~48% tổng tài sản*), điều này có thể gây rủi ro lớn khi chứng khoán mất tính thanh khoản, doanh nghiệp không có đủ vốn tài trợ cho các dự án của mình.



## KHẢ NĂNG THANH TOÁN

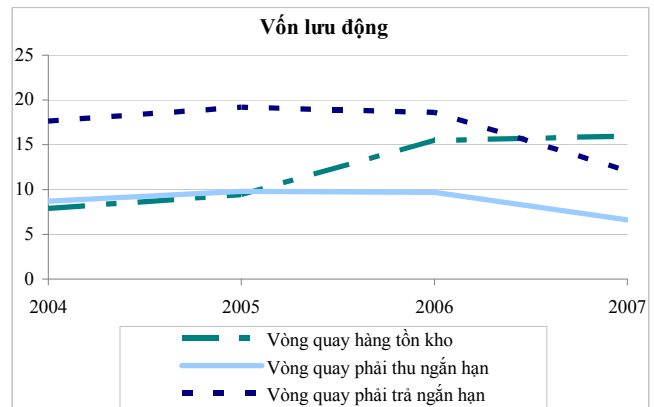


Năm 2006, ABT chào bán riêng lẻ thành công 500.000 cổ phiếu, lượng vốn thu được làm giảm bớt nhu cầu vốn vay trong đó có vay nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh tăng cao.

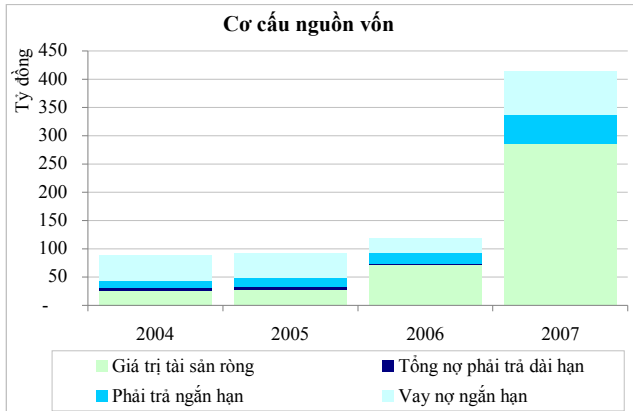
Năm 2007, Vay nợ ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn tăng mạnh, tuy nhiên không làm thay đổi nhiều khả năng thanh toán nhanh của ABT do tài sản ngắn hạn thanh khoản nhanh (*tiền và tương đương tiền, phải thu ngắn hạn*) của Công ty được bổ sung sau đợt chào bán thêm cổ phiếu giữa năm 2007. Khả năng thanh toán nhanh cao thể hiện khả năng quản lý tài sản lưu động tốt của ABT - tài sản lưu động tập trung chủ yếu ở những tài sản có tính thanh khoản cao.

## NGUỒN VỐN LƯU ĐỘNG

Trong khi các doanh nghiệp khác trong ngành đều có số dư hàng tồn kho cuối năm 2007 tăng mạnh, ABT quản lý số dư hàng tồn kho tương đối ổn định. Vòng quay hàng tồn kho tăng lên trong hai năm gần đây thể hiện hoạt động kinh doanh ổn định của ABT. Năm 2007, vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn có xu hướng giảm xuống cùng với sự giảm xuống của các khoản phải trả ngắn hạn, không có áp lực về vốn lưu động đối với ABT cuối năm 2007.



**CƠ CẤU NGUỒN VỐN**



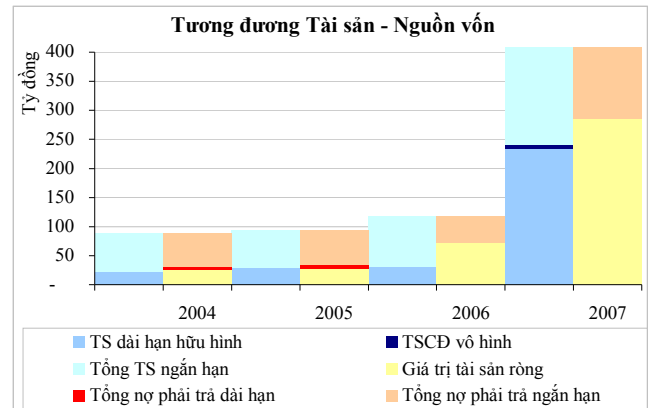
Đợt chào bán năm 2006 làm thay đổi cơ cấu nguồn vốn của ABT, tỷ trọng nợ phải trả giảm xuống, tài sản của ABT chủ yếu được tài trợ bởi nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt chào bán có quy mô nhỏ và diễn ra khi thị trường chứng khoán chưa phát triển mạnh khiến vốn và thặng dư thu về không lớn, tổng nguồn vốn của ABT chỉ tăng nhẹ.

Đợt chào bán cổ phiếu phát hành thêm năm 2007 của ABT diễn ra ở thời điểm thị trường tích cực, ABT thu được thặng dư vốn lớn. Tại thời điểm cuối năm, tuy vay nợ ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn tăng lên đáng kể so với năm 2006, đòn bẩy tài chính thể hiện tỷ lệ Nợ/ VCSH ở mức thấp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp huy động vốn vay trong tương lai.

**TÀI SẢN – NGUỒN VỐN**

Vốn chủ sở hữu và thặng dư vốn thu được qua các đợt chào bán cổ phiếu các năm 2006 và 2007 làm giảm nhu cầu sử dụng nợ vay của ABT. Trong các năm này, một phần tài sản ngắn hạn của Công ty được tài trợ bởi Nguồn vốn chủ sở hữu.

Tài sản dài hạn hữu hình tăng mạnh trong năm 2007, phần lớn nằm ở các khoản đầu tư tài chính dài hạn. ABT huy động thêm vốn trong năm tài trợ cho các dự án đầu tư sản xuất, tuy nhiên mức độ giải ngân cho các dự án này chưa cao, khoản đầu tư tài chính dài hạn lớn không có tính thanh khoản.



**PHÂN TÍCH CHỈ SỐ**

Trong các bảng phân tích chỉ số dưới đây: **C = càng cao càng tốt, T = Càng thấp càng tốt**

Bảng 1	2004	2005	2006	2007	
Lợi nhuận trước thuế (A)	5,392,610	7,810,801	25,057,489	43,452,650	<b>C</b>
Nợ phải trả ngắn hạn <sup>(1)</sup> (B)	54,257,634	54,041,176	39,703,789	111,657,748	<b>T</b>
C = A / B	9.9%	14.5%	63.1%	38.9%	

Tỷ suất lợi nhuận tăng lên kéo theo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn từ nguồn lợi nhuận trước thuế của ABT tăng mạnh trong năm 2006, nhưng đã giảm xuống trong năm 2007 do sự tăng mạnh của nợ vay ngắn hạn. Khả năng tài trợ cho các rủi ro tài chính ngắn hạn từ nguồn lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp khá cao.

Bảng 2	2004	2005	2006	2007	
Tài sản thanh khoản nhanh (A)	27,553,975	40,652,795	62,274,314	136,459,057	<b>C</b>
Nợ phải trả ngắn hạn <sup>(1)</sup> (B)	54,257,634	54,041,176	39,703,789	111,657,748	<b>T</b>
Chi phí = Tổng DT loại trừ LN trước thuế (C)	211,041,035	280,933,650	306,319,577	385,651,423	<b>T</b>
D = A / (B + C)	10.4%	12.1%	18.0%	27.4%	

<sup>1</sup> Nợ phải trả ngắn hạn loại trừ ảnh hưởng Tiền và tương đương tiền và vay nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng đảm bảo việc thanh toán các khoản chi phí và nợ ngắn hạn trong kỳ của doanh nghiệp. Khả năng tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn và chi phí phát sinh trong kỳ bằng tài sản thanh khoản cao của ABT tăng đều. Nguyên nhân chủ yếu nhờ sự tăng lên đáng kể của tài sản ngắn hạn thanh khoản nhanh trong 2 năm gần đây.

<b>Bảng 3</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	
Hàng tồn kho (A)	38,205,224	21,565,116	21,227,380	32,256,754	<b>T</b>
Phải thu ngắn hạn (B)	23,983,304	34,954,255	33,316,299	96,841,535	<b>T</b>
Giá trị TS ròng <sup>(2)</sup> (C)	22,104,393	22,925,603	71,123,898	278,705,435	<b>C</b>
$D = (A + B) / C$	281.3%	246.5%	76.7%	46.3%	

Khả năng tài trợ tài sản ngắn hạn bằng nguồn vốn dài hạn của ABT có xu hướng giảm. Đây là kết quả của các đợt tăng vốn trong các năm gần đây của doanh nghiệp.

<b>Bảng 4</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	
Tổng tài sản ngắn hạn <sup>(3)</sup> (A)	22,490,627	20,122,383	61,741,443	95,363,082	<b>C</b>
Tổng nợ phải trả <sup>(4)</sup> (B)	58,627,730	59,243,434	40,635,759	111,707,996	<b>T</b>
$C = A / B$	38.4%	34.0%	151.9%	85.4%	

Khả năng dùng tài sản ngắn hạn để thanh toán nợ phải trả (*cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn*) của ABT tăng mạnh trong 2 năm gần đây. Năm 2006, tỷ lệ này tăng lên một cách đột biến do công ty duy trì mức nợ khá thấp trong cơ cấu vốn. Năm 2007, tỷ lệ này có giảm đi, tuy nhiên, vẫn ở mức cao.

<b>Bảng 5</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	
Tổng nợ phải trả <sup>(4)</sup> (A)	58,627,730	59,243,434	40,635,759	111,707,996	<b>T</b>
Giá trị tài sản ròng <sup>(5)</sup> (B)	26,474,490	28,127,862	72,055,868	278,755,682	<b>C</b>
$C = A / B$	221.4%	210.6%	56.4%	40.1%	

Cơ cấu nguồn vốn của ABT đang có xu hướng dựa chủ yếu vào nguồn vốn chủ sở hữu và ít phụ thuộc vào nguồn vốn đi vay bên ngoài. Chính sách này cũng thể hiện một cách rõ nét ngay trong cơ cấu vay nợ của ABT. Phần lớn các khoản vay ngoài của ABT đều là vay ngắn hạn tài trợ cho các nhu cầu vốn ngắn hạn. Các kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư vùng nguyên liệu đều được tài trợ bởi nguồn VCSH.

<b>Bảng 6</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	
Nợ phải trả ngắn hạn <sup>(6)</sup> (A)	54,257,634	54,041,176	39,703,789	111,657,748	<b>T</b>
Tổng TS <sup>(7)</sup> (B)	44,357,525	49,232,461	92,644,655	329,867,095	<b>C</b>
$C = A / B$	122.3%	109.8%	42.9%	33.8%	

Mức độ tài trợ tài sản hữu hình bằng nợ phải trả ngắn hạn có xu hướng giảm đi là kết quả của quá trình tăng vốn liên tục của ABT.

<sup>2</sup> Giá trị tài sản ròng loại trừ ảnh hưởng của TSCĐ vô hình và nợ phải trả dài hạn

<sup>3</sup> Tổng tài sản ngắn hạn loại trừ ảnh hưởng của vay nợ ngắn hạn

<sup>4</sup> Tổng nợ phải trả loại trừ ảnh hưởng của tiền và tương đương tiền

<sup>5</sup> Giá trị tài sản ròng loại trừ ảnh hưởng của TSCĐ vô hình

<sup>6</sup> Nợ phải trả ngắn hạn loại trừ ảnh hưởng của tiền và tương đương tiền

<sup>7</sup> Tổng tài sản loại trừ ảnh hưởng của TSCĐ vô hình và vay nợ ngắn hạn

<b>Bảng 7</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	
Vay nợ ngắn hạn <sup>8</sup> (A)	40,744,695	38,138,835	20,046,972	60,596,584	<b>T</b>
Vay nợ dài hạn (B)	4,370,096	5,202,259	916,275	-	<b>T</b>
TS dài hạn hữu hình (C)	21,866,898	29,110,077	30,903,212	234,504,013	<b>C</b>
D = (A + B) / C	206.3%	148.9%	67.8%	25.8%	

Sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngoài để tài trợ cho các khoản đầu tư vào tài sản dài hạn hữu hình của ABT giảm dần theo tiến trình tăng. Tuy nhiên, một điều cần lưu ý là đầu tư tài chính dài hạn chiếm tới 83,96% tài sản dài hạn hữu hình của ABT.

#### Kết luận:

Nhờ việc thu được một nguồn vốn đáng kể (*tăng vốn điều lệ và tăng nguồn thặng dư vốn*), tiềm lực tài chính của ABT tăng lên đáng kể trong 2 năm gần đây, đặc biệt là trong năm 2007. Cơ cấu vốn dựa vào vốn chủ sở hữu tuy làm hạn chế khả năng sử dụng đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp, nhưng đồng thời, cũng giúp doanh nghiệp không rơi vào tình thế bị động khi có những diễn biến tiêu cực trên thị trường tiền tệ như hiện nay. Các chỉ số tài chính của ABT được cải thiện nhiều trong những năm gần đây, tốt hơn so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

<b>BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU QUA CÁC NĂM TÀI CHÍNH</b>					
<b>Chi tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>
Tổng tài sản	'000 VND	88.750.307	93.120.282	117.673.118	413.961.059
Nguồn vốn chủ sở hữu	'000 VND	26.326.664	28.013.797	68.166.938	279.460.681
Vốn điều lệ	'000 VND	25.000.000	25.000.000	33.000.000	62.999.990
Doanh thu thuần	'000 VND	211.607.091	282.432.689	331.214.604	427.288.288
Lợi nhuận gộp	'000 VND	19.472.568	34.645.871	58.187.809	67.992.865
Lợi nhuận trước thuế	'000 VND	5.392.610	7.810.801	25.057.489	43.452.650
Lợi nhuận sau thuế	'000 VND	5.392.610	7.810.801	25.057.489	38.488.350
EBIT	'000 VND	7.314.113	11.255.144	28.834.286	47.368.171
EBITDA	'000 VND	9.681.830	13.713.806	32.136.285	51.178.938
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	9,20	12,27	17,57	15,91
Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	2,55	2,77	7,57	10,17
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,55	2,77	7,57	9,01
EBIT/ Doanh thu thuần	%	3,46	3,99	8,71	11,09
EBITDA/ Doanh thu thuần	%	4,58	4,86	9,70	11,98
ROE	%	21,01	28,75	52,11	22,14
ROA	%	6,85	8,59	23,77	14,48
ROCE	%	23,65	33,72	39,49	16,56
Tăng trưởng Tổng tài sản	%	29,39	4,92	26,37	251,79
Tăng trưởng Doanh thu thuần	%	-	33,47	17,27	29,01
Tăng trưởng EBITDA	%	-	41,64	134,34	59,26
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,16	1,07	1,94	1,35
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,71	1,47	1,09
Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,06	0,10	0,11	0,13

<sup>8</sup> Vay nợ ngắn hạn loại trừ ảnh hưởng của tiền và tương đương tiền

Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	Lần	0,70	0,70	0,39	0,31
Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,34	2,30	0,63	0,45
Vòng quay Hàng tồn kho theo Giá vốn	Vòng	7,17	8,29	12,76	13,44
Vòng quay Hàng tồn kho theo Doanh thu thuần	Vòng	7,90	9,45	15,48	15,98
Vòng quay Các khoản phải thu khách hàng	Vòng	8,50	9,58	9,70	6,57
Vòng quay Các khoản phải trả người bán	Vòng	17,65	19,20	18,63	12,08
Vòng quay Tổng tài sản	Vòng	2,69	3,11	3,14	1,61

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUÝ (\*)

Đơn vị: '000 VND

Chỉ tiêu	Q1/2007	Q2/2007	Q3/2007	Q4/2007	Q1/2008
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>79.252.042</b>	<b>120.964.670</b>	<b>92.318.594</b>	<b>136.655.852</b>	<b>109.415.969</b>
<i>Biến động doanh thu thuần so với quý trước</i>	<i>-5,0%</i>	<i>52,6%</i>	<i>-23,7%</i>	<i>48,0%</i>	<i>-19,9%</i>
Giá vốn hàng bán	66.035.015	102.209.483	73.059.457	119.044.281	90.245.795
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>13.217.027</b>	<b>18.755.187</b>	<b>19.259.138</b>	<b>17.611.571</b>	<b>19.170.175</b>
Doanh thu tài chính	2.426.004	4.342.655	5.253.300	5.048.779	3.717.050
Chi phí tài chính	625.896	1.027.781	1.888.472	1.317.105	1.927.309
Chi phí bán hàng	6.396.680	8.314.339	9.499.778	8.899.060	8.354.528
Chi phí quản lý	817.267	853.609	769.149	807.350	955.894
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.803.188</b>	<b>12.902.113</b>	<b>12.355.040</b>	<b>11.636.836</b>	<b>11.649.494</b>
Lợi nhuận khác	366.678	149.126	31.352	248.190	603.328
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.169.866</b>	<b>13.051.239</b>	<b>12.386.392</b>	<b>11.885.026</b>	<b>12.252.821</b>
<i>Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần</i>	<i>10,3%</i>	<i>10,8%</i>	<i>13,4%</i>	<i>8,7%</i>	<i>11,2%</i>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>7.352.879</b>	<b>11.735.047</b>	<b>11.189.624</b>	<b>10.689.840</b>	<b>11.152.810</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần</i>	<i>9,3%</i>	<i>9,7%</i>	<i>12,1%</i>	<i>7,8%</i>	<i>10,2%</i>

(\*) Các BCTC theo quý không được kiểm toán, số liệu có thể không phù hợp với BCTC kiểm toán cuối kỳ



# BẢN TIN CHỨNG KHOÁN TUẦN

*Bản tin này được tổng hợp và thực hiện dựa trên các số liệu tương đối xác thực, tuy nhiên chúng tôi không đảm bảo rằng thông tin và dữ liệu này hoàn toàn đầy đủ hoặc chính xác. bản tin này chỉ nhằm mục đích tham khảo, công ty cổ phần chứng khoán Kim Long sẽ không chịu trách nhiệm trước những quyết định đầu tư của quý khách hàng khi sử dụng các thông tin trong bản tin để kinh doanh chứng khoán.*



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KIM LONG SECURITIES CORPORATION

A: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội \* T: 04. 772 6868 \* F: 04. 772 6136 \* W: [www.kls.vn](http://www.kls.vn)

